

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HS-ST

Ngày 31 - 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Quang

Ông Phạm Văn Hậu

Bà Phạm Thị Châu Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:

Ông Tạ Đức Vọng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1979 tại **huyện N, tỉnh Ninh Bình**; Nơi cư trú: **thôn M, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn R** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị Á**; có vợ và 02 con; tiền án: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 116/2020/HS-PT ngày 28/4/2020 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt **Trần Văn T** 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 03/02/2022; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 06/7/2023 đến nay tại Trại tạm giam **Công an tỉnh N** (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định: Ông **Nguyễn Quốc V** - Luật sư **Công ty L1** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh N**; Địa chỉ: **số A đường L, phố N, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình** (có mặt).

- Bị hại: Chị **Đinh Thị Lan H**, sinh năm 1981; nơi cư trú: **thôn Đ, huyện G, tỉnh Ninh Bình** (có mặt)

- Người làm chứng: Chị **Đinh Thị H1**, sinh năm 1987; anh **Trần Ngọc T1**, sinh năm 1987.(đều vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T có mối quan hệ quen biết với chị Đinh Thị Lan H từ năm 2000 khi T và chị H đều làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2003 chị H về quê sinh sống còn T ở lại ảo Phúc\\Downloads\\5" \o "T2"Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn. Năm 2013, T cùng vợ con chuyển về tỉnh Hưng Yên sinh sống và mở xưởng giặt quần áo kinh doanh. Năm 2016 do làm ăn thua lỗ bị phá sản vợ chồng T nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân. T vẫn thường xuyên liên lạc với chị H và chị H cũng thường xuyên qua lại nhà bố mẹ đẻ T ở xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình nhận bố, mẹ T làm bố mẹ nuôi. Năm 2020 Tuyên bị Công an tỉnh H bắt về tội “Đánh bạc” và bị xét xử 06 tháng tù giam đến tháng 02/2022 T chấp hành xong hình phạt.

Sau khi ra trại, T tiếp tục liên lạc với chị H và cả hai có quan hệ tình cảm với nhau. Do không có việc làm ổn định nên T thường xuyên vay tiền chị H để làm ăn, trả nợ và chi tiêu cá nhân. Từ tháng 02/2022 đến tháng 6/2022 chị H đã chuyển khoản nhiều lần với tổng số tiền 527.200.000 đồng để cho T vay và chi tiêu hàng ngày. Đến cuối tháng 6 đến đầu tháng 7 năm 2022, T đang làm thuê ở huyện H, Thành phố Hà Nội mặc dù đã vay tiền của chị H để trả nợ và chi tiêu cá nhân nhưng thời điểm đó có nhiều người đòi nợ và khoản vay chị H chưa trả được nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị H. T nói dối với chị H “*Tại xưởng giặt A ở xã V, huyện H, Thành phố Hà Nội nơi T làm có người muốn bán 15% cổ phần xưởng giặt với giá 675.000.000 đồng nếu bỏ tiền ra mua sẽ có lợi tức, làm ăn ổn định thì mỗi năm sẽ thu lợi khoảng 250.000.000 đồng, nếu làm ăn kém mỗi năm khoảng 150.000.000 đồng*”. Chị H tin là thật đã nhất trí nhờ T mua. Trong thời gian từ ngày 07/7/2022 đến ngày 01/12/2022 chị H đã dùng tài khoản ngân hàng V1 số 103872035379 (có biệt danh 0386100889) của chị Đinh Thị L Hương 09 lần chuyển khoản với tổng số tiền 595.000.000 đồng đến số tài khoản ngân hàng V1 số 103875074391 (có biệt danh 0328019358) của Trần Văn T để nhờ T mua cổ phần xưởng giặt. Sau khi chuyển số tiền trên, chị H yêu cầu việc mua bán cổ phần xưởng giặt An P phải có Hợp đồng mua bán và bảo T mang bản hợp đồng cho chị H xem. T sợ chị H phát hiện mình nói dối việc mua bán cổ phần nên đã nói chị H để mình đứng tên mua cổ phần trong hợp đồng cho thuận tiện, chị H đồng ý. Đồng thời T đến một cửa hàng photocopy tại địa chỉ ở T Hà Nội Tuyên không nhớ địa chỉ cụ thể mua 01 bản mẫu Hợp đồng mua bán cổ phần sau đó T tự ghi: Bên bán cổ phần là “Nguyễn Tiến T3 có địa chỉ tại X, P, Hà Nội”; Bên mua là “Trần Văn T”; nội dung hợp đồng mua bán cổ phần: “*Tuyên mua 15% cổ phần xưởng giặt A với giá 45.000.000 đồng/cổ phần, tổng số tiền là 675.000.000 đồng, đã thanh toán 595.000.000 đồng, nợ lại 80.000.0000 đồng*” Tuyên tự ký tên “T3” và ghi họ tên “Nguyễn Tiến T3” ở dưới mục “Đại diện bên bán”; tự ghi tên “Tuyên” và ghi rõ họ tên “Trần Văn T” dưới mục “Đại diện bên mua”. Đến cuối năm 2022, T đưa bản Hợp đồng giả nêu trên cho chị H giữ, chị H có hỏi hợp đồng sao không có dấu đỏ của các cơ

quan có thẩm quyền, không có bên thứ ba chứng kiến thì **T** nói dối chị **H** là công ty hoạt động chui nên không có chứng thực.

Đến ngày 19/01/2023, **T** chuyển khoản ngân hàng lại cho chị **H** số tiền 135.000.000 đồng và nói dối đây là lợi nhuận do mua cổ phần xưởng giặt mà có để chị **H** tin tưởng việc **T** mua cổ phần xưởng giặt cho mình là thật. Sau đó **T** bảo chị **H** chuyển nốt số tiền 80.000.000 đồng còn nợ. Ngày 27/01/2023, chị **H** đã chuyển khoản ngân hàng cho **T** số tiền 50.000.000 đồng và ngày 28/01/2023 tiếp tục chuyển khoản nốt số tiền 30.000.000 đồng cho **T**.

Sau khi **T** đưa bản hợp đồng mua bán cổ phần không có dấu đỏ, chị **H** nghi ngờ nên gọi điện vào số điện thoại bên bán ghi trong hợp đồng là **Nguyễn Tiến T3** nhưng không thấy ai nghe. Tháng 02/2023, chị **H** yêu cầu **T** bán hết cổ phần trả lại tiền cho chị **H** và trả cả tiền chị **H** cho **T** vay nhưng **T** không trả được.

Ngày 17/4/2023, chị **Đinh Thị Lan H** làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của **Trần Văn T** đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N**. Ngày 22/4/2023, chị **Đinh Thị H1** là em gái của chị **H** đã giao nộp cho Cơ quan điều tra bản hợp đồng mua bán cổ phần do **Trần Văn T** dùng để lừa dối chị **H** (**ký hiệu A**). Ngày 01/6/2023, chị **H** giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokiamàu xanh đen, loại bàn phím bấm trong máy không lắp sim, chị **H** khai nhận đã dùng chiếc điện thoại trên gọi điện, liên lạc với **Trần Văn T**.

Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N** tiến hành thu thập mẫu so sánh là mẫu chữ viết, chữ ký của **Trần Văn T** theo quy định của pháp luật - **ký hiệu từ M1 đến M7**. Đồng thời trưng cầu giám định tài liệu đối với chữ viết, chữ ký trong bản hợp đồng mua bán cổ phần do chị **Đinh Thị L H** giao nộp, so sánh với chữ viết, chữ ký trong mẫu gửi giám định.

Tại Bản kết luận giám định số: 417/KL-KTHS-Tl25/5/2023 của **Phòng K Công an tỉnh N** kết luận: “Chữ viết phần nội dung và chữ ký, chữ viết **Trần Văn T** dưới mục Đại diện bên mua; chữ ký, chữ viết mang tên **Nguyễn Tiến T3** dưới mục Đại diện bên bán tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký của **Trần Văn T** tại các mục được mô tả trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là do cùng một người viết, ký ra”.

Kết quả điều tra tại **xã V, huyện H, thành phố H** có xưởng giặt **An P** nhưng do anh **Trần Ngọc T1**, sinh năm 1987 làm chủ chứ không phải là anh **Nguyễn Tiến T3** ở **X, P, thành phố Hà Nội** và trên địa bàn **huyện P, thành phố H** không có thôn, **xã N** như thông tin về chủ xưởng giặt bị cáo **T** ghi trong hợp đồng mua bán cổ phần giả. Đồng thời anh **Trần Ngọc T1** cũng xác định xưởng giặt An Phát của anh từ trước đến nay không có việc bán cổ phần.

Tiến hành sao kê lịch sử giao dịch tài khoản ảo **Phúc\\Downloads\\13" \o "Ngân hàng V1** số 103872035379 (có biệt danh 0386100889) của chị **Đinh Thị L H** dùng để chuyển tiền cho **T** và tài khoản ảo **Phúc\\Downloads\\14" \o "Ngân hàng V1** số 103875074391 (có biệt danh 0328019358) của **Trần Văn T** dùng để

nhận tiền của chị **Đinh Thị L H** chuyển đến. **Trần Văn T** và chị **Đinh Thị Lan H** đã rà soát và xác nhận từ ngày 07/7/2022 đến ngày 28/01/2023 chị **H** đã 11 lần chuyển khoản cho **T** tổng số tiền là 675.000.000 đồng để mua 15% cổ phần xưởng giặt. Ngày 19/01/2023, **T** đã chuyển khoản trả lại cho chị **H** số tiền 135.000.000 đồng.

Như vậy trong thời gian từ ngày 07/7/2022 đến ngày 28/01/2023 chị **H** đã 11 lần chuyển khoản cho **T** tổng số tiền là 675.000.000 đồng. **T** đã chuyển khoản trả lại cho chị **H** số tiền 135.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 540.000.000 đồng, **T** đã chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tại Cơ quan điều tra **Trần Văn T** đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

*** Về xử lý vật chứng, tài sản, đồ vật, tài liệu đã thu giữ và tạm giữ trong quá trình điều tra:**

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110, màu xanh đen trong máy không lắp sim. Ban đầu chị **H** nhớ nhầm khai nhận đã dùng để liên lạc với bị cáo **T** nhưng sau khi tiến hành kiểm tra điện thoại không có thông tin, dữ liệu gì liên quan đến vụ án. Ngày 13/9/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho chị **Đinh Thị L H**.

- Đối với 01 bản hợp đồng mua bán cổ phần sau khi trưng cầu giám định đã làm tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra bị cáo tích cực đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho chị **H**. Ngày 27/01/2024, em trai của bị cáo là anh **Trần Văn Q** đã bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho bị cáo, trả lại cho chị **H** số tiền 100.000.000 đồng. Chị **H** yêu cầu bị cáo **T** phải bồi thường tiếp số tiền còn lại đã chiếm đoạt là 440.000.000 đồng.

Tại ảo Phúc\\Downloads\\120" \o "Bản"Bản Cáo trạng số 09/CT-VKS-P2 ngày 13 tháng 3 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo **Trần Văn T** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo **Trần Văn T** thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo **Trần Văn T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt **Trần Văn T** từ 13 đến 14 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 06/7/2023.

- Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo **Trần Văn T** phải trả lại cho chị **Đinh Thị L H** số tiền 440.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Hành vi phạm tội của bị cáo **Trần Văn T** bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 100.000.000 đồng, bố đẻ và mẹ đẻ của bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng **H2**, Huy chương kháng chiến hạng ảo Phúc\\Downloads\\15" \o "ba,"ba, hạng NK "C:\\Users\\Bảo Phúc\\Downloads\\16" \o "nhì"nhì, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo **Trần Văn T** tại phiên tòa đúng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các lời khai của bị hại, người làm chứng; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Với mục đích chiếm đoạt tài sản, **Trần Văn T** đưa ra thông tin gian dối với chị **Đinh Thị Lan H** là bản thân đang làm việc tại **xưởng giặt A** có địa chỉ tại **V, H, Hà Nội** và biết xưởng giặt có nhu cầu bán 15% cổ phần với số tiền 675.000.000 đồng; nếu mua lại cổ phần sẽ được hưởng lợi nhuận cao từ hoạt động kinh doanh của xưởng giặt, đồng thời tự làm giả bản hợp đồng mua bán cổ phần đưa cho chị **H** làm chị **H** tin là thật. Trong thời gian từ ngày 07/7/2022 đến ngày 28/01/2023, chị **H** đã 11 lần chuyển khoản ngân hàng cho **T** với tổng số tiền 675.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, ngày 19/01/2023 **T** đã chuyển trả lại cho chị **H** 135.000.000 đồng, nói dối là tiền lợi nhuận kinh doanh từ cổ phần đã mua của xưởng giặt. Số tiền còn lại 540.000.000 đồng, **T** đã chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo **Trần Văn T** đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. *Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

2...

3...

4. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:*

a) *Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;*

...

5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.*

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo **Trần Văn T** với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, do đó cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: năm 2020 bị cáo **Trần Văn T** đã bị kết án, chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội, quá trình điều tra bị cáo **Trần Văn T** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực tác động gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả với số tiền 100.000.000 đồng cho bị hại; bị hại đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bố đẻ và mẹ đẻ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến hạng Ba và hạng Nhì. là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, được xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo **Trần Văn T** bằng hình phạt tù, cách ly bị cáo với xã hội một thời gian để cải tạo giáo

dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung với loại tội phạm này.

Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã ly hôn vợ, không có việc làm và tài sản riêng nên miễn phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo **Trần Văn T** theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự ảo Phúc\\Downloads\\17" \o "buộc"buộc bị cáo **Trần Văn T** phải có trách nhiệm trả lại cho chị **Đinh Thị L H** số tiền là 440.000.000 đồng.

[4] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[5] Về án phí: Bị cáo **Trần Văn T** bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền còn phải trả cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4, Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ các Điều 357, 468, 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm các ảo Phúc\\Downloads\\18" \o "điểm"điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ảo Phúc\\Downloads\\19" \o "Thường"Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn T** 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam: 06/7/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Trần Văn T** trả lại cho chị **Đinh Thị L H** số tiền là 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí: Bị cáo **Trần Văn T** phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 21.600.000 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao: 01 bản;
 - VKSND cấp cao: 01 bản;
 - VKSND tỉnh Ninh Bình: 03 bản;
 - Phòng HS&NV CA tỉnh: 01 bản;
 - Phòng Kiểm tra THA: 04 bản;
 - Phòng PC01 Công an tỉnh: 01 bản;
 - Phòng PC10 Công an tỉnh: 01 bản;
 - Bị cáo: 01 bản;
 - Người bị hại: 01 bản;
 - Người bào chữa: 01 bản;
 - Trại tạm giam: 01 bản;
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
 - Lưu hồ sơ: 02 bản;
 - Lưu tòa và HCTP: 02 bản;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Hiệp

